TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày 09-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mượn và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Lịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mượn và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Đinh Văn Q, sinh năm: 1957 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phan Văn T, sinh năm 1955.

2. Bà Huỳnh Tú A, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Ông Phan Văn T: Bà Huỳnh Tú A, sinh năm: 1957 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/02/2018).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 09/10/2017 nguyên đơn ông Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ cùng trình bày: Vào năm 2007 âm lịch ông bà có cho ông Phan Văn T và bà Huỳnh Tú A vay số tiền 20.000.000 đồng đến cuối năm 2009 đôi bên chốt lại cả vốn và lãi là 33.200.000 đồng. Tiền mượn là 1.000.000 đồng. Đến năm 2015 âm lịch ông bà có làm đơn yêu cầu giải quyết tại UBND xã T để giải quyết vụ việc thì ngày 15/12/2015 âm lịch vợ chồng ông T trả cho vợ chồng ông 10.000.000 đồng và tháng 06 năm 2016 vợ chồng ông T tiếp tục trả được 10.000.000 đồng. Trong đó tiền lãi là 13.200.000 đồng và tiền vốn là 6.800.000 đồng. Số tiền còn lại là 13.200.000 đồng tiền vay và 1.000.000 đồng tiền mượn đến nay vợ chồng ông T chưa thanh toán nay yêu cầu vợ chồng ông T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông số tiền 14.200.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 05/02/2018 ông Phan Văn T và bà Huỳnh Tú A cùng trình bày: Vào năm 2007 vợ chồng ông bà có vay của ông vợ chồng ông Đinh Văn Q số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 600.000 đồng/tháng. Ông bà đã đóng lai đến năm 2009 nhưng không nhớ là bao nhiêu. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà không đóng lãi nữa. Đến năm 2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển bán đấu giá các tài sản của ông bà và hoàn cảnh gia đình ông bà gặp rất nhiều khó khăn nên không có tiền để trả nợ cho vợ chồng ông Q. Sau khi sự việc giữa ông bà và vợ chồng ông Q được hòa giải tại UBND xã T thì vào ngày 15/12/2015 ông bà đã trả cho vợ chồng ông Q 10.000.000 đồng (số tiền này ông bà phải vay của người khác lãi mỗi tháng 1.200.000 đ); tháng 6 năm 2016 ông bà trả thêm 10.000.000 đồng. Như vậy ông bà đã trả xong tiền vốn. Đối với số tiên tiền 11.200.000 đồng tiền lãi vợ chồng ông Q đã hứa cho ông bà nên không đồng ý trả. Hiện nay gia đình ông bà không còn đất đai và gặp nhiều khó khăn nêu yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa: Ông Q, bà Đ vẫn bảo lưu quan điểm. Bà Tú A xác định còn nợ vợ chồng ông Q 1.000.000 đồng tiền mượn, đối với số tiền 14.200.000 đồng là tiền lãi bà không đồng ý thanh toán vì vợ chồng ông Q đã hứa cho vợ chồng bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A về tranh chấp hợp đồng mượn và vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung: Vào tháng 7 năm 2007 việc ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ cho ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A vay 20.000.000 đồng và mượn 1.000.000 đồng vào năm 2009 là thực thực tế có xảy ra. Khi xác lập hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất 600.000 đồng/tháng và không quy định thời gian trả. Đến năm 2009 đôi bên đã chốt nợ của hợp đồng vay là 33.200.000 đồng. Đến năm 2015, 2016 ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A đã trả cho vợ chồng Quí 20.000.000 đồng. Trong đó nguyên đơn xác định có 13.200.000 đồng là tiền lãi và 6.800.000 đồng là vốn. Đối với vợ chồng ông T thừa nhận có vay của vợ chồng ông Q 20.000.000 đồng, xác định số tiền 20.000.000 đồng đã trả là tiền vốn và không đồng ý thanh toán 13.200.000 đồng tiền lãi vì cho rằng vợ chồng ông Q đã cho số tiền lãi này. Hội đồng xét xử thấy rằng việc vợ chồng ông T vay tiền từ tháng 7 năm 2007 đến năm 2015 sau khi vợ chồng ông Q yêu cầu mà vợ chồng ông T không thanh toán nợ là ảnh hưởng đến đến quyền lợi của vợ chồng ông Q. Tính đến ngày 15/12/2015 vợ chồng ông T thực hiện việc trả số tiền 10.000.000 đồng đối chiếu với lãi từ thời điểm vay tính từ tháng 7 năm 2007 đến ngày 15/12/2015 là 100 tháng 15 ngày x 1.125%/tháng x 20.000.000 đồng = 22.612.000 đồng. Nhưng do trước đó vào năm 2009 đôi bên có chốt nợ là 33.200.000 đồng, vợ chồng ông Q đã nhận 13.200.000 đồng tiền lãi và chỉ yêu cầu tiền gốc là 13.200.000 là có lợi cho bị đơn. Năm 2016 bà Tú A, ông T xác định thanh toán được 20.000.000 đồng tiền vốn là không có cơ sở, bởi lẽ khi thanh toán nợ vay thì phải thanh toán tiền lãi trước và sẽ thanh toán tiền gốc sau. Hơn nữa vợ chồng bà Tú A cho rằng vợ chồng ông Q đã cho số tiền lãi 13.200.000 đồng nhưng vợ chồng ông Q không thừa nhận và vợ chồng bà Tú A không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc vợ chồng ông Q hứa cho tiền lãi nêu trên. Do đó số tiền 13.200.000 đồng vợ chồng ông Q yêu cầu vợ chồng bà Tú A thanh toán số tiền vốn là có cơ sở nên vợ chồng ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Q. Đối với số tiền mượn là 1.000.000 đồng ông T, bà Tú A thống nhất còn nợ và đồng ý thanh toán nên được ghi nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ, buộc ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 14.200.000 đồng.

[3] Kể từ khi ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A chậm trả khoản tiền trên cho ông Q bà

Đ thì ông T, bà Anh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.200.000đ đồng x 5% = 710.000 đồng. Ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ đã dự nộp số tiền 355.000 đồng theo biên lai thu số 0013893 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển ông Q và bà Đ được nhận lại.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 474; Điều 514 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn Quí, bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Văn Quí, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ khi ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A chậm trả khoản tiền trên cho ông Q, bà Đ thì ông T, bà Anh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Phan Văn T, bà Huỳnh Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 710.000 đồng.

- Ông Đinh Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ đã dự nộp số tiền 355.000 đồng theo biên lai thu số 0013893 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển ông Q và bà Đ được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương